

**TOÁN****12 trừ đi một số****I. Mục tiêu:****\*Kiến thức, kỹ năng:**

- Thực hiện được phép tính  $12 - 5$ .
- Khái quát hoá được cách tính 12 trừ đi một số.
- Vận dụng:
  - Thực hiện tính nhẩm 12 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20).
  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính 12 trừ đi một số.
  - Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính toán.

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
  - Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
  - Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN &amp; XH

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV. 10 khối lập phương

**III. Các hoạt động dạy học:**

| <b>TL</b> | <b>Hoạt động của giáo viên.</b>   | <b>Hoạt động của học sinh.</b> |
|-----------|---|--------------------------------|
| <b>5'</b> | <b>A.KHỞI ĐỘNG :</b><br>-GV cho HS bắt bài hát<br>-GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: nhắc lại<br>- Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).<br>- Cách tính 11 trừ đi một số (trừ 1 để được 10 rồi trừ số còn lại). | - HS hát<br><br>-HS chơi       |

|            |   |  |
|------------|---|--|
|            | -Ôn định , vào bài  |  |
| <b>15'</b> | <b>B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</b>   |  |
|            | <p><b>1/Hoạt động1: Thực hiện phép tính 12 - 5</b></p> <p><b>HD HS theo các bước:</b></p> <p>Bước 1: Tìm hiểu vấn đề.<br/>- HD HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết : <math>12 - 5 = ?</math></p> <p>Bước 2: Lập kế hoạch.<br/>-HS thảo luận cách thức tính <math>12 - 5</math>, có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón tay, hình vẽ, ...).</p> <p>Bước 3: Tiến hành kế hoạch<br/>-Các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con, một vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm.</p> <p>Bước 4: Kiểm tra lại.<br/>-GV giúp HS kiểm tra:<br/>+ Kết quả.<br/>+ Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết<br/><math>12-5 = ?</math><br/>-GV tổng kết</p> | <p>-HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết:</p> <p>-HS thảo luận</p> <p>-HS thực hiện phép tính</p> <p>-HS kiểm tra</p> |
|            | <p><b>2/Hoạt động2: Giới thiệu 12 trừ đi một số</b></p> <p>-GV HD:<br/>+Thể hiện phép tính bằng trực quan.<br/>Có 12 khối lập phương, cần bớt 5 khối lập phương: Nếu ta bớt 2 khối lập phương, rồi lại bớt 3 khối lập phương nữa (tức là bớt 5 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.</p> <p style="text-align: center;"><math>12 - 2 = 10; 10 - 3 = 7</math></p> <p>Trừ 2 để được 10 rồi trừ 3</p> <p>-GV kết luận: <i>Trừ để được 10 rồi lấy 10 trừ số còn lại</i></p>  | <p>-HS theo dõi</p> <p>-HS thực hiện trừ</p> <p>-HS nhắc lại nhiều lần</p>   |
| <b>13'</b> | <b>C.LUYỆN TẬP</b>  |  |

|    |  |  |
|----|--|--|
|    | <b>Bài 1:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu bài</li> <li>- HS tự tìm hiểu và thực hiện (bảng con).</li> <li>- Giúp HS nhận biết <math>12-2-1 = 12-3</math>.</li> <li>- GV nhận xét</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul>              |
|    | <b>Bài 2:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu yêu cầu bài tập</li> <li>- HD HS làm<br/>Muốn lấy 12 trừ đi một số ta làm thế nào?<br/>(Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).<br/>Trừ mấy để được 10? (trừ 2).</li> <li>-GV nhận xét,</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul>              |
|    | <b>Bài 3:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS làm <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lúc đầu có 10 con mèo</li> <li>+ Sau đó 3 con mèo rời đi</li> <li>+ Viết phép tính để tìm số mèo còn lại</li> </ul> </li> <li>-GV nhận xét bổ sung</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>--HS thực hiện phép tính</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul> |
| 2' | <b>D. Củng cố-Dặn dò</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).</li> <li>? - Cách tính 12 trừ đi một số (trừ 2 để được 10 rồi trừ số còn lại).</li> <li>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</li> </ul>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS trả lời, thực hiện</li> </ul>   |

## **TOÁN**

# 13 trừ đi một số

### **I.Mục tiêu:**

#### **\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện được phép tính  $13 - 5$ .
- Khái quát hoá được cách tính 13 trừ đi một số.
- Vận dụng:
  - Thực hiện tính nhẩm 13 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20).
  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính 13 trừ

đi một số.

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV. 10 khối lập phương

**III. Các hoạt động dạy học:**

| <b>TL</b>  | <b>Hoạt động của giáo viên.</b>  | <b>Hoạt động của học sinh.</b>  |
|------------|--|---|
| <b>5'</b>  | <b>A.KHỞI ĐỘNG :</b><br>-GV cho HS bắt bài hát<br>-GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: nhắc lại<br>- Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).<br>- Cách tính 12 trừ đi một số (trừ 2 để được 10 rồi trừ số còn lại).<br>-Ồn định , vào bài  | - HS hát<br><br>-HS chơi  |
| <b>15'</b> | <b>B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</b>  |   |
|            | <b>1/Hoạt động1: Thực hiện phép tính 13 - 5</b><br><b>HD HS theo các bước:</b><br>Bước 1: Tìm hiểu vấn đề.<br>- HD HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết : $13 - 5 = ?$<br>Bước 2: Lập kế hoạch.<br>-HS thảo luận cách thức tính $13 - 5$ , có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón | -HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết: |

|                               |  |   |
|-------------------------------|--|---|
|                               | <p>tay, hình vẽ, ...).</p> <p>Bước 3: Tiến hành kế hoạch</p> <p>-Các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con, một vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm.</p> <p>Bước 4: Kiểm tra lại.</p> <p>-GV giúp HS kiểm tra:</p> <p>+ Kết quả.</p> <p>+ Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết</p> <p><math>13-5 = ?</math></p> <p>-GV tổng kết</p>  | <p>-HS thảo luận</p> <p>-HS thực hiện phép tính</p> <p>-HS kiểm tra</p>   |
|                               | <p><b>2/Hoạt động2: Giới thiệu 13 trừ đi một số</b></p> <p>-GV HD:</p> <p>+Thể hiện phép tính bằng trực quan.</p> <p>Có 13 khối lập phương, cần bớt 5 khối lập phương: Nếu ta bớt 3 khối lập phương, rồi lại bớt 2 khối lập phương nữa (tức là bớt 5 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.</p> <p style="text-align: center;"><math>13 - 3 = 10; 10 - 2 = 8</math></p> <p>Trừ để được 10 rồi trừ 2</p> <p>-GV kết luận: <i>Trừ để được 10 rồi lấy 10 trừ số còn lại</i></p> | <p>-HS theo dõi</p> <p>-HS thực hiện trừ</p> <p>-HS nhắc lại nhiều lần</p>  |
| <p><b>13' C.LUYỆN TẬP</b></p> |  |   |
|                               | <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu bài</li> <li>- HS tự tìm hiểu và thực hiện (bảng con).</li> <li>- Giúp HS nhận biết <math>13-3-1 = 12-4</math>.</li> <li>- GV nhận xét</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul> |
|                               | <p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu yêu cầu bài tập</li> <li>- HD HS làm</li> </ul> <p>Muốn lấy 13 trừ đi một số ta làm thế nào?<br/>(Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>Trừ mấy để được 10? (trừ 3).</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul> |

|           |   |  |
|-----------|---|--|
|           | -GV nhận xét,   |  |
|           | <b>Bài 3:</b><br>-Nêu yêu cầu bài tập<br>-HD HS làm<br>-GV nhận xét bổ sung   | - HS nêu yêu cầu bài tập.<br>--HS thực hiện phép tính<br>-HS khác nhận xét, bổ sung. |
| <b>2'</b> | <b>D. Củng cố-Dặn dò</b><br>? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).<br>? - Cách tính 11, 12, 13 trừ đi một số (trừ 1, 2 3 để được 10 rồi trừ số còn lại).<br>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện   |

## **TOÁN** 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số (Tiết 1)

### **I. Mục tiêu:**

#### **\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện được phép tính  $19 - 9$ .
- Khái quát hoá được cách tính 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.
- Vận dụng:
  - Thực hiện tính nhẩm qua 10 trong phạm vi 20 và phân biệt đối với các trường hợp cụ thể.
  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến việc tính toán

#### **\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

### **III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 30 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV. 10 khối lập phương

### III. Các hoạt động dạy học:

| TL  | <i>Hoạt động của giáo viên.</i>   | <i>Hoạt động của học sinh.</i>   |
|-----|---|--|
| 5'  | <p><b>A.KHỞI ĐỘNG :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-GV cho HS bắt bài hát</li> <li>-GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: nhắc lại</li> <li>- Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách tính 11, 12, 13 trừ đi một số (trừ 1, 2, 3 để được 10 rồi trừ số còn lại).</li> </ul> </li> <li>-Ôn định , vào bài</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS hát</li> <li>-HS chơi</li> </ul>   |
| 25' | <b>B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</b>   |  |
|     | <p><b>1/Hoạt động1: Thực hiện phép tính 16 - 9</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HD HS sử dụng cách trừ khái quát: Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại để thực hiện (có thể dùng đồ dùng hỗ trợ).</li> <li>- HD thể hiện phép tính bằng trực quan.</li> <li>+ Có 16 khối lập phương, cần bớt 9 khối lập phương : Nếu ta bớt 6 khối lập phương, lòi lại bớt 3 khối lập phương nữa (tức là bớt 9 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.</li> <li>+ Trừ 6 để được 10 rồi trừ 3.</li> <li>- GV: <i>Ta luôn trừ để được 10 rồi trừ số còn lại</i></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết:</li> <li>-HS thảo luận theo nhóm đôi</li> <li>-HS thực hiện phép tính</li> <li style="text-align: center;"><math>16 - 9 = 16 - 6 - 3 = 7</math></li> <li>-HS đọc lại nhiều lần</li> </ul> |
|     | <p><b>2/Hoạt động2: Hệ thống hóa cách tính 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-GV HD HS chơi trò chơi để HS nói cách trừ đối với từng số và cách trừ khái quát.</li> <li>+ 11, 12, 13 trừ đi một số (trừ 1, 2, 3 rồi trừ số còn lại).</li> <li>+ 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số (trừ 4, 5, 6, 7, 8 rồi trừ số còn lại).</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS chơi</li> </ul>   |

|    |  |  |
|----|--|--|
|    | <p>+ Trừ một số qua 10 trong phạm vi 20 (trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>- Thực hành trừ với các phép tính cụ thể.</p> <p>Ví dụ: 14-7, 18-9, 15-8, 13-4, ...</p> <p>GV: <i>Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại</i></p>  | <p>-HS thực hiện trừ</p> <p>-HS nhắc lại nhiều lần</p> |
| 5' | <p><b>C. Củng cố-Dặn dò</b></p> <p>? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>? - Cách tính 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số (trừ 1, 2 3.....8 để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p> | <p>-HS trả lời, thực hiện</p>                          |

## **TOÁN** 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số (Tiết 2)

### **I. Mục tiêu:**

#### **\*Kiến thức, kỹ năng:**

- Thực hiện được phép tính 19 - 9.
- Khái quát hoá được cách tính 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.
- Vận dụng:
  - Thực hiện tính nhẩm qua 10 trong phạm vi 20 và phân biệt đối với các trường hợp cụ thể.
  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến việc tính toán

#### **\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
  - Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

### **III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- 30 khối lập phương



- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.10 khối lập phương

### III. Các hoạt động dạy học:

| <i>TL</i>  | <i>Hoạt động của giáo viên.</i>   | <i>Hoạt động của học sinh.</i>  |
|------------|---|---|
| <b>5'</b>  | <p><b>A.KHỞI ĐỘNG :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-GV cho HS bắt bài hát</li> <li>-GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: nhắc lại</li> <li>- Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách tính 11, 12, 13 trừ đi một số (trừ 1, 2, 3 để được 10 rồi trừ số còn lại).</li> </ul> </li> <li>-Ồn định , vào bài</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS hát</li> <li>-HS chơi</li> </ul>  |
| <b>25'</b> | <b>B.LUYỆN TẬP</b>  |   |
|            | <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu bài</li> <li>- HS tự tìm hiểu và thực hiện (bảng con).</li> <li>- Giúp HS nhận biết <math>15-5-2 = 15 - 7</math>.</li> <li>- GV nhận xét</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul>               |
|            | <p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu yêu cầu bài tập</li> <li>- HS nhận biết: các phép tính trong bài có nhiều trường hợp: 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.</li> <li>Muốn lấy 14 trừ đi một số ta làm thế nào? (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại)</li> <li>Trừ mấy để được 10? (trừ 4)</li> <li>- Khi sửa bài, thường xuyên cho HS nhắc lại cách tính khái quát.</li> <li>-GV nhận xét,</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul>               |
|            | <p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS làm</li> <li>-GV nhận xét bổ sung</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>- HS thực hiện phép tính</li> <li>- HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul> |

|    |   |  |
|----|---|--|
|    | <p><b>Bài 4:</b></p> <p>-HS đọc yêu cầu, quan sát tranh và nhận biết: kết quả trên mỗi “tấm vé” là số toa mà rùa sẽ lên.</p> <p>- Sau khi sửa bài, HS đọc đề GV viết các phép tính trong bài theo thứ tự các kết quả từ bé đến lớn.</p>   | <p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>- HS thực hiện phép tính</p> <p>- HS khác nhận xét, bổ sung.</p> |
| 5' | <p><b>C. CÙNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>? - Cách tính 11, 12, 13, 14, 15, 16,17, 18 trừ đi một số (trừ 1, 2 3.....8 để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p> | <p>-HS trả lời, thực hiện</p>  |

## **TOÁN**

## **Bảng trừ (Tiết 1)**

### **I.Mục tiêu:**

#### **\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Hệ thống hóa các phép trừ qua 10 trong phạm vi 20
- Vận dụng bảng trừ:
  - Tính nhẩm.
  - So sánh kết quả của tổng, hiệu.
  - Làm quen với quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.
  - GQVĐ đơn giản liên quan đến số và phép tính.

#### **\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
  - Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

#### **\*Tích hợp: TN & XH**

### **III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); bảng trừ qua 10 chư hoàn chỉnh

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

### III. Các hoạt động dạy học:

| <b>TL</b>  | <b>Hoạt động của giáo viên.</b>  | <b>Hoạt động của học sinh.</b>  |
|------------|--|---|
| <b>5'</b>  | <p><b>A.KHỞI ĐỘNG :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-GV cho HS bắt bài hát</li> <li>- Cho HS chơi trò chơi Gió thổi               <ul style="list-style-type: none"> <li>-GV: Gió thổi, gió thổi!</li> <li>HS: Thôi gì, thổi gì?</li> <li>GV: Thôi cách trừ qua 10 trong phạm vi 20.</li> <li>HS: Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại</li> <li>GV: 11 trừ đi một số.</li> <li>HS: trừ 1 rồi trừ số còn lại.</li> <li>.....</li> </ul> </li> <li>-Ôn định , vào bài</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS hát</li> <li>-HS chơi</li> </ul>  |
| <b>25'</b> | <b>B. THỰC HÀNH</b> <i>Thực hành với bảng trừ</i>  |   |
|            | <p><b>1/Hoạt động1: Khôi phục bảng trừ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát tổng quát bảng trừ (chưa hoàn chỉnh), nhận biết quy luật sắp xếp của bảng (mỗi cột là một bảng trừ, trong mỗi cột: số bị trừ không đổi, số trừ tăng dần).</li> <li>- HS bổ sung các phép trừ còn thiếu (11 - 4, 11 - 6,...).</li> <li>- HS đọc các phép trừ theo cột, theo hàng, theo màu (Ví dụ: <math>11 - 2 = 9</math>, ...),</li> <li>- GV điền kết quả vào bảng.</li> <li>- Với mỗi cột, GV hỏi cách trừ một vài trường hợp, ví dụ: tại sao <math>14 - 8 = 6</math>.</li> <li>- Giúp HS nhận ra các ô cùng màu là các phép trừ có hiệu bằng nhau.</li> <li>- Nhận <b>xét</b> sự liên quan giữa bảng trừ và bảng cộng: <i>mỗi phép tính ở bảng trừ, nếu ta đọc từ phải sang trái thì lại được các phép tính ở bảng cộng.</i><br/>Ví dụ: <math>12 - 3 = 9</math>; <math>9 + 3 = 12</math>.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS đọc yêu cầu, quan sát, nhận biết được vấn đề cần giải quyết:</li> <li>-HS nêu các phép trừ còn thiếu</li> <li>-HS đọc</li> <li>-HS trả lời</li> <li>-HS đọc</li> </ul> |
|            | <p><b>2/Hoạt động2: Thực hành với bảng trừ</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p>  |   |

|    |   |   |
|----|---|---|
|    | <p>-Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS làm bài theo nhóm đôi</p> <p>-GV nhận xét HS hoạt động nhóm đôi theo yêu cầu trong SGK.</p>   | <p>-HS nêu</p> <p>-HS làm Bài tập</p> <p>-Trình bày, nhận xét</p> |
| 5' | <p><b>C. Củng cố-Dặn dò</b></p> <p>? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>? - Cách tính 11, 12, 13, 14, 15, 16,17, 18 trừ đi một số (trừ 1, 2 3.....8 để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p> | <p>-HS trả lời, thực hiện</p>                                     |



## **TOÁN**

### **NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 1)**

#### **I. Mục tiêu:**

##### **\*Kiến thức, kỹ năng:**

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

##### **\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

#### **III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

#### **III. Các hoạt động dạy học:**

| <b>TL</b>  | <b>Hoạt động của giáo viên.</b>  | <b>Hoạt động của học sinh.</b>  |
|------------|--|---|
| <b>8'</b>  | <b>A.KHỞI ĐỘNG :</b><br>- GV cho HS bắt bài hát<br>- Vào bài mới   | - HS hát<br>-HS lắng nghe   |
| <b>10'</b> | <b>B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:</b><br><b>Hoạt động 1.</b> Giới thiệu nhiều hơn, ít hơn<br>-Hd HS sử dụng ĐDDH thể hiện số kẹo của bạn trai, bạn gái. Nhận biết số lớn, số bé, phần chênh lệch.<br>-HS quan sát hình ảnh mô hình kẹo của hai bạn, nhận biết<br><br>-GV dùng ĐDDH khái quát quan hệ nhiều hơn, ít hơn:<br>• Số kẹo bạn trai là số bé (6).<br>• Số kẹo bạn gái là số lớn (9). | -HS thực hiện<br><br>-HS quan sát nhận biết<br>+Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo.<br>+Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo |

|     |   |  |
|-----|---|--|
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Số kẹo bạn gái nhiều hơn bạn trai cũng chính là số kẹo bạn trai ít hơn bạn gái (phần chênh lệch).<br/>Nếu không có đồ dùng thay thế số kẹo, ta sẽ làm phép tính như thế nào để biết nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu?<br/>HS viết ra bảng con: <math>9 - 6 = 3</math> (tìm phần chênh lệch).</li> <li>GV chỉ vào từng thành phần của phép tính trên để HS nói:<br/>Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo.<br/>Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo.</li> </ul>               | <p>-HS quan sát</p> <p>-HS viết ở bảng con</p> <p>-Nhận xét</p>                          |
| 15' | <p><b>Hoạt động 2:Thực hành</b></p> <p><b>Bài 1:</b> HS sử dụng ĐDHT, mỗi nhóm lấy số khối lập phương</p> <p><b>Bài 2:</b> GV hd, HS nhận biết các việc cần làm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Quan sát hình ảnh.<br/>Nêu số lớn, số bé và số chỉ phần chênh lệch.</li> <li>Thực hiện phép tính để tìm phần chênh lệch.</li> <li>Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn để kết luận.</li> </ul> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.<br/>GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.</p> | <p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p> |
| 3'  | <p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>  | <p>-HS trả lời, thực hiện</p>  |

## **TOÁN**

### **NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)**

#### **I.Mục tiêu:**

##### **\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

##### **\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

### III. Các hoạt động dạy học:

| <i>TL</i>  | <i>Hoạt động của giáo viên.</i>   | <i>Hoạt động của học sinh.</i>  |
|------------|---|---|
| <b>3'</b>  | <b>A.KHỞI ĐỘNG :</b><br>-GV cho HS bắt bài hát<br>-Ôn định , vào bài  | - HS hát  |
| <b>20'</b> | <b>B.LUYỆN TẬP :</b><br><b>Hoạt động: Luyện tập</b><br><b>*Bài 1:</b><br>-Nêu yêu cầu bài tập<br>- HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch.<br>(GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.)<br>-GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói.<br>Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”.<br><br>- GV nhận xét, củng cố                                     | -HS nêu yêu cầu bài tập<br>-HS làm việc theo nhóm<br>-HS trả lời              |
|            | <b>Bài 2:</b><br>-HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ ( $10\text{ cm} - 6\text{ cm} = 4\text{ cm}$ ).<br>-Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải thích từng bước làm.<br>-Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.<br>-GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.<br>Ví dụ:<br>- GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.<br>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, | - HS nêu yêu cầu bài tập.<br>-HS thực hiện<br><br>-HS khác nhận xét, bổ sung. |



|     |  |  |
|-----|--|--|
|     | <p>nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái</p>  |  |
| 12' | <p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>- GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>-GV nhận xét, tuyên dương</p> | <p>-HS chơi trò chơi</p> <p>-HS trả lời, thực hiện</p> |

## TOÁN

### Em làm được những gì? ( Tiết 1)

#### I.Mục tiêu:

##### *\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
- Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
- Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

##### *\*Năng lực, phẩm chất:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

#### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

### III. Các hoạt động dạy học:

| <i>TL</i> | <i>Hoạt động của giáo viên.</i>  | <i>Hoạt động của học sinh.</i>  |
|-----------|--|---|
| 8'        | <p><b>A.KHỞI ĐỘNG :</b></p> <p>-Trò chơi: ĐÓ BẠN</p> <p>+GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?</p> <p>+Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7.</p> <p>+GV: Gộp 80 và 7 được số nào?</p> <p>+Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87.</p> <p>-Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội.</p> <p>-GV vào bài</p>   | -HS chơi  |
| 22'       | <p><b>B.LUYỆN TẬP :</b></p> <p><i>Hoạt động: Luyện tập</i></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>-Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Yêu cầu của bài: số?.</li> <li>• Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10).</li> </ul> <p>- Khi sửa bài, khuyến khích HS giải <b>thích</b> tại sao điền như vậy.</p> <p>Ví dụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Em đếm thêm 1.</li> <li>Em đếm thêm 2.</li> <li>Em đếm thêm 10.</li> </ol> <p>- GV nhận xét, củng cố</p> | <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS làm ở bảng con</p> <p>-HS trả lời</p> |
| '         | <p><b>Bài 2:</b></p> <p>- HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3.</li> <li>• Viết bốn phép tính với ba số: 73; 70 và 3.</li> </ul> <p>- Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số.</p> <p>Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình</p>  | <p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS trả lời</p>                         |

|    |   |  |
|----|---|--|
|    | <p>-HS nêu<br/>-G nhận xét</p>  | <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>   |
|    | <p><b>Bài 3:</b><br/>-Nêu yêu cầu bài tập<br/>-HD HS thực hiện<br/>    <math>34 + 52 = 86</math><br/>    34 là số hạng<br/>    52 là số hạng<br/>    86 là tổng<br/>-HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi đọc phép tính để tìm số bị chia.<br/>-HS thay ? bằng phép tính thích hợp<br/>-GV nhận xét ,bổ sung</p> | <p>- HS nêu yêu cầu bài tập.<br/><br/>-HS làm bài<br/><br/>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p> |
|    | <p><b>Bài 4:</b><br/>- HS tìm <b>hiểu</b> bài, <b>nhận biết:</b> đặt tính rồi tính<br/>- HS <b>thực hiện</b> (bảng con).<br/>- Sửa bài.<br/>• HS <b>làm</b> tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính).<br/>* Lưu ý HS đặt đúng phép tính <math>8 + 41</math><br/>-GV nhận xét ,bổ sung</p>                                     | <p>- HS nêu yêu cầu bài tập.<br/><br/>-HS làm bài<br/><br/>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p> |
| 5' | <p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b><br/>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>   | <p>-HS trả lời, thực hiện</p>  |





